

Số: 28 /2018/NQ-HĐND

Hà Nam, ngày 07 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công
trung hạn giai đoạn 2016-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Thực hiện các Quyết định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 31178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (lần 2);

Thực hiện các văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: số 6900/BKHĐT-TH ngày 28 tháng 9 năm 2018 về nguyên tắc, tiêu chí sử dụng dự phòng kế hoạch đầu tư trung hạn tại các bộ, ngành, địa phương; số 7446/BKHĐT-TH ngày 19/10/2018 về việc dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2019;

Xét Tờ trình số 3561/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đề nghị phê chuẩn điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Hà Nam tại Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 với nội dung chủ yếu sau:

I. Tổng nguồn vốn đầu tư điều chỉnh tăng 3.556.418 triệu đồng, từ 15.539.793 triệu đồng thành 19.096.211 triệu đồng, bao gồm:

1. Vốn đầu tư cân đối ngân sách địa phương: tăng thêm 2.171.991 triệu đồng, từ 3.576.696 triệu đồng thành 5.748.687 triệu đồng, bao gồm:

1.1. Vốn ngân sách tập trung: tăng thêm 540.179 triệu đồng, từ 1.698.696 triệu đồng lên 2.238.875 triệu đồng.

1.2. Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: tăng thêm 1.631.812 triệu đồng, từ 1.840.000 triệu đồng lên 3.471.812 triệu đồng.

2. Vốn đầu tư từ nguồn để lại chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước tăng thêm 1.074.893 triệu đồng, từ 7.154.560 triệu đồng thành 8.229.453 triệu đồng. Trong đó:

- Tăng nguồn vốn đầu tư từ các nguồn (sự nghiệp, vượt thu, kết dư ngân sách): 1.074.893 triệu đồng.

3. Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ: tăng thêm 309.534 triệu đồng, từ 3.708.537 triệu đồng, thành 4.018.071 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: tăng thêm 130.800 triệu đồng, từ 212.000 triệu đồng, thành 342.800 triệu đồng.

- Vốn đầu tư theo chương trình mục tiêu: tăng thêm 135.000 triệu đồng, từ 2.029.000 triệu đồng, thành 2.164.000 triệu đồng.

- Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo quyết định 22/QĐ-TTg ngày 26/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ: tăng thêm 54 triệu đồng, từ 90.000 triệu đồng thành 90.054 triệu đồng.

- Vốn nước ngoài: tăng thêm 43.680 triệu đồng, từ 1.377.537 triệu đồng thành 1.421.217 triệu đồng.

II. Điều chỉnh, bổ sung danh mục kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn tăng thêm và nguồn dự phòng ngân sách chưa phân bổ tại Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

1. Nguyên tắc, tiêu chí điều chỉnh, bổ sung theo thứ tự ưu tiên:

Thực hiện theo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên bố trí kế hoạch đầu tư công tại Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh và nguyên tắc tiêu chí sử dụng nguồn dự phòng kế hoạch đầu tư trung hạn tại các bộ, ngành, địa phương quy định tại văn bản số 6900/BKHĐT-TH ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

1.1. Bổ sung vốn và điều chỉnh nguồn vốn đối với các dự án đã có trong danh mục:

- Bổ trí hoàn trả các khoản tạm ứng chưa thu hồi
- Bổ trí vốn để thanh toán giảm nợ đọng xây dựng cơ bản theo số liệu quyết toán.
- Bổ trí vốn cho các dự án đã đấu thầu hoàn thành đạt trên 90% quy mô dự án, các dự án có khối lượng hoàn thành trên 90% giá trị hợp đồng, các dự án bàn giao đưa vào sử dụng, các dự án mua sắm trang thiết bị cần thiết, cấp bách.
- Bổ trí vốn cho các dự án cấp bách còn thiếu vốn thuộc một số lĩnh vực: Giáo dục đào tạo (*xây dựng, mua sắm thiết bị các trường THPT đạt chuẩn quốc gia*), giao thông (*một số tuyến đường đô thị quan trọng hoàn thành đến điểm dừng kỹ thuật để phục vụ thu hút đầu tư; một số tuyến đường huyện đã xuống cấp nghiêm trọng*)

1.2. Bổ sung danh mục mới:

Dự án cấp bách, đảm bảo đời sống dân sinh, an sinh xã hội và thực hiện các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.3. Loại bỏ danh mục hoặc điều chỉnh giảm vốn.

Dự án diện giãn, hoãn tiến độ, thực hiện điểm dừng kỹ thuật và các dự án chưa cấp bách.

2. Danh mục các dự án điều chỉnh, bổ sung:

2.1. Nguồn ngân sách tập trung:

Điều chỉnh tên 01 dự án từ dự án Bệnh viện sản nhi thành dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh.

2.2. Nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối ngân sách

- Bổ trí 1.074.893 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp, kết dư, vượt thu ngân sách cho 43 dự án đã có trong danh mục kế hoạch đầu tư công với số vốn 884.113 triệu đồng và bổ sung vào danh mục 27 dự án với số vốn 190.780 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm vốn 10 dự án với số tiền 348.434 triệu đồng (trong đó 9 dự án do được bổ trí 342.166 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp, kết dư, vượt thu ngân sách, 01 dự án đã hoàn thành tại điểm dừng kỹ thuật chuyên vốn cho dự án khác: 6.228 triệu đồng).

- Điều chỉnh tăng vốn cho 24 dự án với số tiền 348.434 triệu đồng, trong đó điều chỉnh tăng 115.000 triệu đồng cho 3 dự án đã có trong kế hoạch trung hạn. Bổ sung vào danh mục 21 dự án với số tiền 233.434 triệu đồng

2.3. Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia:

Điều chỉnh giảm vốn hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới 20.400 triệu đồng xuống còn 177.120 triệu đồng. Bổ sung 20.400 triệu đồng cho 02 dự án nước sạch nông thôn: Dự án đầu tư xây dựng hệ thống nước sạch thị trấn Kiện Khê và xã Thanh Thủy: 4.955 triệu đồng; Dự án mở rộng hệ thống cấp nước sạch Khả Phong để cung cấp cho vùng dân cư lân cận: 15.445 triệu đồng. Như vậy, tổng số vốn bố trí cho các dự án nước sạch nông thôn sau điều chỉnh: 131.400 triệu đồng.

2.4. Nguồn vốn dự phòng vốn cân đối ngân sách địa phương

a. Vốn dự phòng do tỉnh quản lý: tổng số 219.870 triệu đồng. Bao gồm, vốn đầu tư trong cân đối: 169.870 triệu đồng; vốn dự phòng từ nguồn thu sử dụng đất: 50.000 triệu đồng.

- Bổ sung vào danh mục dự án và phân bổ 92 tỷ đồng, trong đó 50 tỷ đồng từ nguồn dự phòng tiền đất, 42 tỷ đồng từ nguồn dự phòng ngân sách tập trung. Bao gồm: Lĩnh vực đê kè, nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới: 6 dự án với 30 tỷ đồng, trong đó tiền đất 22 tỷ đồng; Lĩnh vực giao thông: 6 dự án, với 44 tỷ đồng, trong đó từ tiền đất: 28 tỷ đồng; Lĩnh vực Giáo dục, Y tế: 4 dự án với 18 tỷ đồng.

- Bổ sung 127,87 tỷ đồng từ nguồn dự phòng ngân sách tập trung cho các dự án cấp bách, phải bổ sung nhiệm vụ thuộc danh mục nguồn vốn cân đối ngân sách trong kế hoạch đầu tư công trung hạn. Bao gồm: Lĩnh vực nông nghiệp: 1 dự án với 20 tỷ đồng; lĩnh vực công nghiệp 1 dự án với 15 tỷ đồng; lĩnh vực du lịch: 4 dự án với 33 tỷ đồng; Lĩnh vực quản lý nhà nước: 1 dự án với 6,87 tỷ đồng; Lĩnh vực Giáo dục: 2 dự án với 11 tỷ đồng, Lĩnh vực giao thông 5 dự án với 42 tỷ đồng.

b. Đề nghị Trung ương phân bổ vốn dự phòng ngân sách trung ương: 469.302 triệu đồng, cho 18 dự án, công trình, trong đó vốn Chương trình mục tiêu: 11 dự án với số vốn 202.900 triệu đồng, vốn ODA: 2 dự án với số vốn 142.122 triệu đồng, vốn trái phiếu Chính phủ: 1 dự án với số vốn 80.000 triệu đồng, vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 4 dự án với số vốn 34.280 triệu đồng.

Tổng hợp danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh, bổ sung (*chi tiết có Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Đồng thời căn cứ Nghị định 63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) đề rà soát báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục các dự án PPP trước khi công bố và thực hiện dự án.

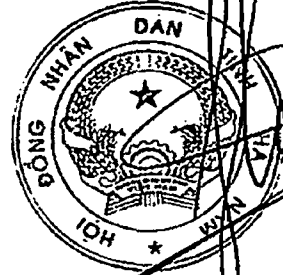
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, KHĐT, Tài chính;
- BTV Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh,
- UBNDTTQ tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, Tài chính, Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, Các ĐB HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TP;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Sỹ Lợi



ĐIỀU CHỈNH TỔNG NGŨN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh Hà Nam)

Biểu

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn/chương trình	Đã giao theo NQ02/2017/NQ-HĐND	Trong đó đã phân bổ 90%	Bổ sung	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Vốn đã phân bổ sau điều chỉnh, bổ sung	Dự phòng 10%	Tổng nguồn vốn đầu tư công sau điều chỉnh bổ sung
(a)	(b)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)
	TỔNG SỐ	15.539.793	14.805.369	2.999.982	348.434	348.434	18.117.158	979.053	19.096.211
A	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	3.576.696	3.293.126	1.624.003			5.228.936	519.751	5.748.687
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng CP (vốn NSTT)	1.698.696	1.528.826	228.372			2.069.005	169.870	2.238.875
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.840.000	1.729.000	1.395.631			3.124.631	347.181	3.471.812
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	38.000	35.300				35.300	2.700	38.000
B	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI CHƯA ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	7.154.560	7.154.560	1.074.893	348.434	348.434	8.229.453		8.229.453
1	Phí bảo trì đường bộ	110.000	110.000				110.000		110.000
2	Thu từ các dự án phát triển đô thị	984.675	984.675		348.434	348.434	984.675		984.675
3	Thu từ các vị trí đất theo KL09-KL/TU	5.857.000	5.857.000				5.857.000		5.857.000
4	Thu từ các doanh nghiệp thuê đất trong các KCN, Cụm CN đầu tư bằng vốn NSNN	202.885	202.885				202.885		202.885
5	Các nguồn thu khác cho đầu tư (Sự nghiệp, kết dư, vượt thu)			1.074.893			1.074.893	1.074.893	1.074.893
C	VỐN VAY TÍN DỤNG ƯU ĐÃI	300.000	300.000				300.000		300.000
D	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	3.708.537	3.337.683	301.086			3.638.769	379.302	4.018.071
I	VỐN TRONG NƯỚC	2.331.000	2.097.900	261.774			2.359.674	237.180	2.596.854
1	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	212.000	190.800	117.720			308.520	34.280	342.800
2	Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu	2.029.000	1.826.100	135.000			1.961.100	202.900	2.164.000
3	Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo QĐ22/QĐ-TTg	90.000	81.000	9.054			90.054		90.054
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	1.377.537	1.239.783	39.312			1.279.095	142.122	1.421.217
E	VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ	800.000	720.000				720.000	80.000	800.000

gry



Biên 2

**DỰ ÁN BỔ SUNG DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020 NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH
VÀ BỔ SUNG VỐN TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH DO TỈNH QUẢN LÝ**
(Kèm theo Nghị quyết số 28/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số QĐ phê duyệt dự án hoặc số QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã bỏ tri đến hết 2015	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Bổ sung vốn từ nguồn dự phòng NSNN		Ghi chú
									Tổng số	Trong đó: từ tiền đất	
	Tổng số					367.537	11.500	0	92.000	50.000	
	Đê kè, nông nghiệp, nông thôn					68.227	11.500	0	30.000	22.000	
1	Xử lý sạt lở kè lát mái Hồng Lý, xã Chân Lý, Nhân Đạo và kè lát mái Vũ Điện xã chân Lý huyện Lý Nhân	Huyện Lý Nhân		2017	Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 21/9/2017 phê duyệt dự án	14.824	5.000	0	7.000	7.000	
2	Nâng cấp, xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nguy cơ sạt lở xã Nhân Thịnh, huyện Lý Nhân	Huyện Lý Nhân		2017	Quyết định số 1567/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 phê duyệt dự án	14.807	6.500	0	7.000	7.000	
3	Dự án ĐTXD công trình thủy lợi khắc phục tình trạng ngập úng trong các Khu nông nghiệp công nghệ cao, khu dồn đổi tại xã Xuân Khê - Nhân Bình, Nhân Khang, huyện Lý Nhân	Huyện Lý Nhân	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng thiết yếu phục vụ tiêu thoát nước	2018	Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 6/7/2018 phê duyệt dự án	9.600	0		5.000		
4	Hỗ trợ đường cứu hộ, cứu nạn, di dân thoát lũ bồi Hồng Lý, Lý Nhân	Huyện Lý Nhân		2018-2020	Quyết định số 2430/QĐ-UBND ngày 4/2/2018	9.920			4.000	4.000	

TT	Tên dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số QĐ phê duyệt dự án hoặc số QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 2015	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Bổ sung vốn từ nguồn dự phòng NSNN		Ghi chú
									Tổng số	Trong đó: từ tiền đất	
5	Hỗ trợ nâng cấp đê bồi Nhân Hòa (Hòa Hậu) huyện Lý Nhân	Huyện Lý Nhân		2018-2020	Quyết định số 3313/QĐ-UBND ngày 1/6/2018; 2739/UBND-NN&TNMT ngày 26/9/2017	9.315	0	0	4.000	4.000	
6	Hỗ trợ Cải tạo, nâng cấp kênh KT B bờ tả sông Sắt (đoạn từ Km 0- trạm bơm đến Km 1+620) huyện Bình Lục	Huyện Bình Lục		2018-2020	Quyết định số 3546/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	9.761			3.000		
	Giao thông					217.950	0	0	44.000	28.000	
1	Dự án ĐTXD tuyến đường nối ĐT.492 với ĐT.499 phục vụ cầu hồ cứu nạn đê sông Hồng huyện Lý Nhân (giai đoạn 2)	Huyện Lý Nhân	Xây dựng mới tuyến đường với quy mô đường cấp III đồng bằng L=2,15km, Bn=12m, Bm=7m, lề 2x2,5m	2017-2019	Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của UBND tỉnh Hà Nam phê duyệt dự án	73.831	0		10.000	10.000	
2	Cầu qua sông Sắt trong khu trồng niêm Cát Tường, Bình Lục	Thanh Liêm		2018-2020	Quyết định số 1914/QĐ-UBND ngày 09/11/2017 của UBND tỉnh Hà Nam phê duyệt chủ trương dự án	12.919			5.000		
3	Dự án cải tạo, nâng cấp đường ĐT 493 (Km 0- Km 8+620)	TP. Phủ Lý- Huyện Duy Tiên		2019-2020	Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư số 1729/UBND-GTXD ngày 28/6/2018	25.000			7.000		

TT	Tên dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số QĐ phê duyệt dự án hoặc số QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã bỏ trị đến hết 2015	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Bổ sung vốn từ nguồn dự phòng NSNN		Ghi chú
									Tổng số	Trong đó: từ tiền đất	
4	Hỗ trợ Cải tạo, nâng cấp Đường ĐH 08 (Phủ Cốc- Đông Trù, ĐH 13 cũ) huyện Lý Nhân	Huyện Lý Nhân		2018-2020	3118/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	81.200			8.000	8.000	
5	Hỗ trợ Dự án cải tạo, nâng cấp đường bờ sông Châu Giang (Vĩnh Trù- Cầu Châu Giang)	Huyện Lý Nhân		2018-2020	1332/UBND-GTXD ngày 24/5/2018	25.000			8.000	8.000	
6	Hỗ trợ đường ĐH 05 huyện Duy Tiên	Huyện Duy Tiên							3.000		
7	Hỗ trợ đường ĐH 06 huyện Duy Tiên	Huyện Duy Tiên							3.000	2.000	
	Giáo dục, Y tế					81.360	0	0	18.000	0	
1	Dự án ĐTXD nhà hiệu bộ, nhà đa năng và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật Trường THPT B Phủ Lý	TP. Phủ Lý		2018-2020	Quyết định số 833/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 phê duyệt chủ trương đầu tư	19.800			5.000		
2	Trường THPT C Bình Lục: Xây dựng nhà lớp học bộ môn, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	Huyện Bình Lục		2018-2020	Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 phê duyệt chủ trương đầu tư	20.000			5.000		
3	Nâng cấp cải tạo, Trường THPT A Phủ Lý	TP. Phủ Lý		2018-2020	QĐ phê duyệt CTĐT số 1840/QĐ-UBND ngày 12/10/2018	11.800			3.000		
4	Phòng khám đa khoa Đồng Văn	Huyện Duy Tiên	Xây dựng mới phòng khám trực thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh	2018-2020	Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 12/4/2018 phê duyệt dự án	29.760			5.000		

**DỰ ÁN ĐÃ CÓ TRONG DANH MỤC CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH,
BỔ SUNG VỐN TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**

(Kèm theo Nghị quyết số 21/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Nam)



Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số QĐ phê duyệt dự án hoặc số QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã bỏ tri đến hết 2015	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Bổ sung vốn từ nguồn dự phòng NSNN		Ghi chú
									Tổng số	Trong đó từ tiền đất	
	Tổng số					6.310.222	262.389	565.000	127.870		
	Nông nghiệp					47.000	0	15.000	20.000		
1	Dự án cải tạo, kiên cố hóa kênh A4-6, nhánh A4-8-29 và trạm bơm phục vụ chống úng cho các KCN, Khu đô thị và sản xuất nông nghiệp khu vực Đồng Văn	Huyện Duy Tiên		2017-2018	Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 13/2/2018 phê duyệt dự án	47.000	0	15.000	20.000		
	Công nghiệp					141.232	70.155	0	15.000		
1	Dự án đầu tư xây dựng san nền, hạ tầng kỹ thuật mở rộng cụm công nghiệp Kiện Khê I, huyện Thanh Liêm				Quyết định số 981/QĐ-UBND ngày 17/9/2014	141.232	70.155	0	15.000		
	Du lịch					5.743.292	139.854	474.000	33.000		
1	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng du lịch di tích LSVH quốc gia Đền Trần Thương, xã Nhân Đạo, huyện Lý Nhân	Huyện Lý Nhân		2016-2020	Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 phê duyệt dự án đầu tư	60.000		14.000	12.000		

TT	Tên dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số QĐ phê duyệt dự án hoặc số QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết 2015	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Bổ sung vốn từ nguồn dự phòng NSNN		Ghi chú
									Tổng số	Trong đó từ tiền đất	
2	Hạ tầng Khu du lịch Đền Bà Vũ, huyện Lý Nhân	Huyện Lý Nhân		2018-2020	Quyết định số 1819/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 phê duyệt chủ trương đầu tư	45.000		10.000	7.000		
3	Dự án ĐTXD đường nối khu di tích lịch sử văn hóa quốc gia đặc biệt đền Trần Thương đến cầu Thái Hà	Huyện Lý Nhân		2016-2020	Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 3/10/2017	45.371		10.000	5.000		
4	Hạ tầng du lịch Tam Chúc	Huyện Kim Bảng			Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 19/05/2015	5.592.921	139.854	440.000	9.000		
	Quản lý nhà nước					45.529	0	5.000	6.870		
1	Trung tâm dữ liệu điện tử tỉnh Hà Nam và trang bị hệ thống đảm bảo an toàn thông tin cho các sở ban ngành, UBND các huyện thành phố			2017-2020	Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 31/12/2011	45.529		5.000	6.870		
	Giáo dục					28.402	0	8.000	11.000		
1	Dự án ĐTXD nhà hiệu bộ, nhà đa năng THPT Lê Hoàn GD 3	Huyện Thanh Liêm	950 học sinh	2012-2014	Quyết định số 1047/QĐ-UBND 25/8/2011 phê duyệt dự án đầu tư	13.500			5.000		
2	Dự án mua sắm máy vi tính trang bị cho các phòng tin học trường THPT công lập trên địa bàn tỉnh Hà Nam để các huyện đạt chuẩn quốc gia	Các trường THPT	Trang bị 31 phòng học tin học cho 23 trường THPT công lập	2017-2020	Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 phê duyệt BCKTKT	14.902		8.000	6.000		

TT	Tên dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số QĐ phê duyệt dự án hoặc số QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết 2015	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Bổ sung vốn từ nguồn dự phòng NSNN		Ghi chú
									Tổng số	Trong đó từ tiền đất	
	Giao thông					304.767	52.380	63.000	42.000		
1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT 496	Huyện Bình Lục			Quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 22/12/2016	102.634	28.000	22.000	12.000		
2	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT 493B (ĐH 08 cũ)	Huyện Duy Tiên-TP. Phủ Lý		2017-2020	Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 14/4/2014	97.542	24.380	16.000	12.000		
3	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông kết nối từ QL38 đến Khu Đại học Nam Cao từ Km1+200 đến Km2+420	Khu Đại học Nam Cao		2016-2020	Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	74.591		15.000	5.000		
4	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT 496 B (giai đoạn 2)	Huyện Bình Lục		2018-2020	Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 23/11/2016	30.000		10.000	3.000		
5	Đường Lê Công Thanh giai đoạn 3	TP. Phủ Lý		2011-2020	Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 18/4/2011	827.374	88.819		10.000		

Phung



Biểu 4

**BỘ SUNG VÀO DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
VÀ BỔ SUNG VỐN (TỪ VỐN CHẾ TẠO, KẾT DƯ, VƯỢT THU NGÂN SÁCH) CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ**
(Kèm theo Nghị quyết số 28/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	Tổng số	Trong đó	
			Dự án đã có trong kế hoạch trung hạn, bổ sung vốn	Bổ sung dự án vào danh mục và bổ sung vốn
	Tổng số	1.074.893	884.113	190.780
1	GPMB tuyến đường nối ĐT 499 với ĐT 492 phục vụ cứu hộ, cứu nạn đê sông Hồng	3.700	3.700	
2	GPMB trường cao đẳng nghề	3.500	3.500	
3	DA ĐTXD khu nuôi dưỡng thương bệnh binh nặng tỉnh Hà Nam	13.000		13.000
4	Công trình cải tạo, nâng cấp đường ĐT 492....bến xe Hòa Mạc - QL 38	4.000		4.000
5	Đường trục T1 thuộc dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật giai đoạn I Khu Đại học Nam Cao tỉnh Hà Nam giai đoạn I	10.000	10.000	
6	Đường trục T2 thuộc dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật giai đoạn II Khu Đại học Nam Cao tỉnh Hà Nam	14.000	14.000	
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê Hoàn Uyển đoạn từ Quốc lộ 1A đến trạm bơm Chợ Lương, huyện Duy Tiên	2.500	2.500	
8	DA tu bổ tôn tạo di tích chùa Quế Lâm	4.166		4.166
9	DA tu bổ tôn tạo di tích lịch sử đình, chùa Đồng Du Trung xã Đồng Du	952		952
10	DA tu bổ tôn tạo di tích lịch sử đình An Hòa xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm	682		682
11	Dự án: Tu bổ, tôn tạo di tích đền Trần Thương, huyện LN	483		483
12	Đường cứu hộ, cứu nạn xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	204		204

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	Tổng số	Trong đó	
			Dự án đã có trong kế hoạch trung hạn, bổ sung vốn	Bổ sung dự án vào danh mục và bổ sung vốn
13	Dự án: Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Văn Xá	476		476
14	DA: ĐTXD tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa đình An Hòa, xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	229		229
15	Thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành công trình đường cáp ngầm 22KV, trạm biến áp cấp điện trung tâm lưu trữ sinh vật cảnh tỉnh Hà Nam và hạ tầng kỹ thuật khu CX1, khu thương mại bờ Đông sông Đáy	5.504		5.504
16	Đường GT, đường điện, hàng rào và san lấp 12 ha phục vụ vùng phát triển bò sữa bền vững Mộc Bắc - Duy Tiên	6.777		6.777
17	Đường ĐH 11 huyện Lý Nhân	5.000	5.000	
18	XD công trình Chuẩn bị mặt bằng thuộc DA ĐTXD hạ tầng (giai đoạn 1) khu trung tâm y tế chất lượng cao cấp vùng	1.000	1.000	
19	Công trình Tu bổ, nâng cấp, kiên cố hóa mặt đê bồi Lại Xá, phường Thanh Tuyền	3.000		3.000
20	DA cải tạo trụ sở làm việc UBND tỉnh+ DA phòng họp trực tuyến, phòng làm việc, nhà ăn thuộc trụ sở UBND tỉnh	3.036	3.036	
21	Dự án báo điện tử Hà Nam	1.000	1.000	
22	GPMB Dự án HTKT Khu Đại học Nam cao giai đoạn 2	3.600	3.600	
23	GPMB DA ĐTXD tuyến đường giao thông kết nối quốc lộ 38 đến Khu Đại học Nam Cao (đoạn từ km1+200 đến Km2+420)	13.781	13.781	
24	Thiết bị đổi mới công nghệ Đài phát thanh truyền hình tỉnh	5.000	5.000	
25	Đường xung quanh Bệnh viện Bạch Mai (GD1+2)	5.000	5.000	
26	Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh (GD1)	2.808	2.808	
27	DA cải tạo nâng cấp hạ tầng du lịch di tích lịch sử văn hóa Quốc gia Đền Trần Thương (GD2)	5.000	5.000	

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	Tổng số	Trong đó	
			Dự án đã có trong kế hoạch trung hạn, bổ sung vốn	Bổ sung dự án vào danh mục và bổ sung vốn
28	Đường Lê Công Thanh giai đoạn 3 (nút giao đường ngang N1 với đường sắt thống nhất (km47+774)	5.000	5.000	
29	ĐA tu bổ, tôn tạo di tích chùa Bà Đanh núi Ngọc Huyện Kim Bảng	3.637		3.637
30	ĐA tu bổ, tôn tạo di tích đình Văn Xá huyện Lý Nhân	3.591		3.591
31	ĐA tu bổ, tôn tạo di tích Đền Trúc, huyện Kim Bảng	3.000		3.000
32	ĐA xử lý sạt lở lát mái Hồng Lý, xã Chân Lý, xã Nhân Đạo và kê lát mái Vũ Điện xã Chân Lý huyện Lý Nhân	5.000		5.000
33	Đường trục T3 dự án hạ tầng kỹ thuật khu Đại Học Nam Cao GD2	20.000	20.000	
34	Bệnh viện tâm thần tỉnh Hà Nam	5.000		5.000
35	Đường ĐH 04 dốc Lưu - Chợ Quán	1.400	1.400	
36	ĐA ĐTXD đường hầm lãnh đạo Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, sở chỉ huy thống nhất số 2 tỉnh	20.000	20.000	
37	ĐA kê chống xói lở, mở rộng, nâng cấp tuyến đường ứng cứu, ổn định dân cư, phát triển kinh tế hai bên bờ sông Châu Giang	10.000		10.000
38	ĐA kê chống xói lở, mở rộng, nâng cấp tuyến đường ứng cứu, ổn định dân cư, phát triển kinh tế hai bên bờ sông Nhuệ	10.000		10.000
39	Thu hồi tạm ứng GPMB dự án cải tạo nâng cấp hạ tầng du lịch DTLSVH Quốc gia Đền Trần Thương (GD2)	13.000	13.000	
40	Nhà lớp học bộ môn, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ trường THPT B Bình Lục	10.000	10.000	
41	Nhà học bộ môn, nhà tập đa năng và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật trường THPTC Phủ Lý	8.000	8.000	
42	Cải tạo, nâng cấp trường THPT B Thanh Liêm	8.000	8.000	
43	Khu nhà bia tưởng niệm Di tích lịch sử tiếng trống Bò Đẻ	1.500		1.500

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	Tổng số	Trong đó	
			Dự án đã có trong kế hoạch trung hạn, bổ sung vốn	Bổ sung dự án vào danh mục và bổ sung vốn
44	ĐT XD CT Trường THPT Nguyễn Khuyến	5.000	5.000	
45	DA cải tạo, KCH hệ thống tưới tiêu tỉnh Hà Nam, khu vực huyện Lý Nhân	30.000		30.000
46	XD hạ tầng phục vụ mô hình sản xuất đậu bắp, rau xuất khẩu xã Nhân Khanh huyện Lý Nhân	4.000		4.000
47	Cải tạo sửa chữa nhà Văn hóa Trung tâm tỉnh	2.000		2.000
48	GPMB DA Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT tỉnh	2.781		2.781
49	Nhà học bộ môn trường THPT Phú Lý B	1.500	1.500	
50	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trường THPT Duy Tiên B	1.000	1.000	
51	Nhà thực nghiệp, thực hành trường Cao đẳng Y tế Hà Nam	2.000	2.000	
52	DA xử lý khẩn cấp chống sạt lở bờ, đê bao bảo vệ bồi đê Hữu Hồng thuộc xã Phú phúc huyện Lý nhân	8.000		8.000
53	DA đầu tư XD tuyến đường giao thông nối khu du lịch quốc gia Đền Trần Thương đến cầu Thái Hà huyện Lý nhân	10.000	10.000	
54	XD CSHT vùng phân lũ sông đáy	52.797		52.797
55	DA đường GTNT đến trung tâm các xã thuộc huyện Kim Bảng	10.000		10.000
56	GPMB tuyến đường B2B dự án đường sơ tán cứu hộ dân kết hợp chắn nước núi huyện Thanh Liêm	122	122	
57	DA ĐTXD đường kết nối hạ tầng xung quang và hoàn trả kênh mương bị ảnh hưởng khi thực hiện DA XD CS 2- BV Bạch Mai	43.000	43.000	
58	DA ĐTXD CT HTKT Khu liên hiệp thể thao	13	13	
59	Dự án xây dựng công trình Sân vận động tỉnh Hà Nam	131.600	131.600	

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	Tổng số	Trong đó	
			Dự án đã có trong kế hoạch trung hạn, bổ sung vốn	Bổ sung dự án vào danh mục và bổ sung vốn
60	DA đường giao thông đến TT các xã huyện Thanh Liêm (GD1, GD2)	41.424	41.424	
61	GPMB DA ĐTXD hạ tầng khu du lịch Tam chúc	206.123	206.123	
62	DA đường GTNT đến trung tâm các xã thuộc huyện Lý Nhân	19.000	19.000	
63	DA đường GTNT đến trung tâm các xã thuộc huyện Bình Lục	25.000	25.000	
64	Trung tâm huấn luyện dự bị động viên và tiếp nhận lực lượng, phương tiện kỹ thuật cho khu vực phòng thủ tỉnh Hà Nam	25.000	25.000	
65	Công trình xây dựng đường ngang tạm tại KM 52+112 tuyến đường sắt Hà Nội - Hồ chí Minh phục vụ thi công hệ thống đường giao thông và Khu liên hợp thể thao	5.000	5.000	
66	Đường giao thông dọc cao tốc kết nối từ QL38 đến QL21B	15.142	15.142	
67	Cụm Công nghiệp Kiện Khê I, huyện Thanh Liêm	39.445	39.445	
68	Đường vành đai thành phố Phủ Lý nối với đường cao tốc Cầu Giẽ- Ninh Bình	73.850	73.850	
69	Đường Lê Công Thanh giai đoạn 2	15.000	15.000	
70	Đường kinh tế T1	60.569	60.569	

gmg

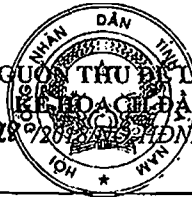
ĐIỀU CHỈNH GIẢM VỐN CÁC DỰ ÁN ĐÀO TẠO TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN THU ĐỂ LẠI CHƯA ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC DO ĐƯỢC BỎ TRÍ BỔ SUNG VỐN SỰ NGHIỆP, KẾT DƯ, VƯỢT THU
(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Điều chỉnh giảm nguồn thu để lại
	Tổng số	348.434
1	Công trình xây dựng đường ngang tạm tại KM 52+112 tuyến đường sắt Hà Nội - Hồ chí Minh phục vụ thi công hệ thống đường giao thông và Khu liên hợp thể thao	5.000
2	Đường giao thông dọc cao tốc kết nối từ QL38 đến QL21B	15.142
3	DA ĐTXD đường kết nối hạ tầng xung quang và hoàn trả kênh mương bị ảnh hưởng khi thực hiện DA XD CS 2-BV Bạch Mai	16.600
4	Dự án xây dựng công trình Sân vận động tỉnh Hà Nam	96.560
5	Cụm Công nghiệp Kiện Khê I, huyện Thanh Liêm	39.445
6	Đường vành đai thành phố Phủ Lý nối với đường cao tốc Cầu Giẽ- Ninh Bình	73.850
7	Đường Lê Công Thanh giai đoạn 2	15.000
8	Đường kinh tế T1	60.569
9	Trung tâm huấn luyện dự bị động viên và tiếp nhận lực lượng, phương tiện kỹ thuật cho khu vực phòng thủ tỉnh Hà Nam	20.000
10	Đường Hoà Mạc - Châu Giang - Mộc Bắc	6.268

Trang

ĐIỀU CHỈNH TĂNG NGUỒN THỤ ĐƯỢC TẠI CHỖ ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH
QUY HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
 (Kèm theo Nghị quyết số 28/2018/QH12 ngày 07 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh Hà Nam)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	Tổng số	Trong đó	
			Dự án đã có trong kế hoạch trung hạn, bổ sung vốn	Bổ sung dự án vào danh mục và bổ sung vốn
	Tổng số	348.434	115.000	233.434
1	Dự án phát triển đô thị loại vừa tại Việt Nam - Tiểu dự án Thành phố Phủ Lý (đối ứng ODA-phần bổ sung)	50.000	50.000	
2	Dự án đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.	50.000	50.000	
3	Hỗ trợ đầu tư các trạm xử lý nước thải cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh	15.000		15.000
4	Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính các cấp trong tỉnh.	10.000		10.000
5	Quy hoạch tỉnh Hà Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	20.000		20.000
6	Cải tạo, nâng cấp bệnh viện phong huyện Kim Bảng	5.000		5.000
7	Nâng cấp, cải tạo tuyến ĐH.06, huyện Duy Tiên (đoạn Km0+00 ÷ Km1+521)	6.268		6.268
8	Dự án ĐTXD tuyến đường nối ĐT.492 với ĐT.499 phục vụ cứu hộ cứu nạn đê sông Hồng huyện Lý Nhân (giai đoạn 2)	20.000		20.000
9	Cải tạo, nâng cấp Đường ĐH 08 (Phủ Cốc- Đông Trù, ĐH 13 cũ) huyện Lý Nhân	10.000		10.000
10	Đường ĐH 04 (giai đoạn 2) huyện Lý Nhân	15.000		15.000

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	Tổng số	Trong đó	
			Dự án đã có trong kế hoạch trung hạn, bổ sung vốn	Bổ sung dự án vào danh mục và bổ sung vốn
11	Hỗ trợ giải phóng mặt bằng đoạn nối đường 42 (đường Lê Duẩn) tới quốc lộ 1 - TP.Phù Lý tỉnh Hà Nam	15.000	15.000	
12	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT 496 B (giai đoạn 2)	10.000		10.000
13	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng du lịch di tích LSVH quốc gia Đền Trần Thương, xã Nhân Đạo, huyện Lý Nhân	12.166		12.166
14	Dự án cải tạo, nâng cấp Văn Xá di Lê Hồ huyện Kim Bảng	10.000		10.000
15	Nạo vét, KCH kênh tiêu KN12A, KT10, KB8, KB4, Trạm bơm Nhâm Trảng, Cổ Đam	10.000		10.000
16	Cải tạo, nâng cấp Đê bồi Chuyên Ngoại huyện Duy Tiên	8.000		8.000
17	Đường Lê Công Thanh giai đoạn 3	15.000		15.000
18	Nâng cấp, cải tạo ĐT.498B	10.000		10.000
19	Dự án cải tạo nâng cấp đường ĐH04 huyện Bình Lục	10.000		10.000
20	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT 496 B (giai đoạn 2)	8.000		8.000
21	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT 493B (ĐH 08 cũ)	8.000		8.000
22	Mua sắm xe truyền hình lưu động Đài PTTH tỉnh	8.000		8.000
23	Đổi ứng ODA dự án tăng cường môi trường đầu tư Hà Nam	20.000		20.000
24	Xử lý khẩn cấp sạt lở bờ tả sông Đáy đoạn xã Phù Vân TP Phù Lý	3.000		3.000

guy

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHỈ DẪN VỐN DỰ PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020

CHƯƠNG TRÌNH SẠCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)

(Kèm theo Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-IT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 vốn NSTW				Đã tri vốn NSTW dự phòng 10%			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW sau khi bổ sung			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					Thu hồi ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Hoàn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Hoàn ứng	Thanh toán nợ XDCB
	VỐN ĐẦU TƯ THEO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU					7.170.964	3.724.732	309.884	295.134	1.958.427	731.441	5.000	30.000	202.900	45.000	0	934.341	50.000	5.000
A	BỘ TRÍ HOÀN ỨNG CHO CÁC DỰ ÁN CÒN DƯ ỨNG					385.380	143.820	56.750	45.000	106.225	88.150	0	25.000	45.000	45.000	0	133.150	45.000	0
1	Xử lý khẩn cấp đê, kè, chống sạt lở tuyến đê bao hữu Hồng xã Phù Phúc, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Huyện Lý Nhân			1660/QĐ-UBND ngày 31/12/2010	225.500		41.750	30.000	0				30.000	30.000		30.000	30.000	
2	Dự án Tu bổ khẩn cấp hệ thống kè mô hàn Nguyễn Lý và hệ thống kè mô hàn Chương xã huyện Lý Nhân	Huyện Lý Nhân		2012-2014	1090/QĐ-UBND ngày 08/9/2011	159.800	143.820	15.000	15.000	106.225	88.150		25.000	15.000	15.000		103.150	15.000	
B	BỘ TRÍ CHO CÁC DỰ ÁN ĐÃ CÓ TRONG KẾ HOẠCH TRUNG HẠN, CÒN HẠN MỨC VỐN TW					6.591.175	3.419.372	253.134	250.134	1.852.202	643.291	5.000	5.000	132.900	0	0	776.191	5.000	5.000
I	Chương trình phát triển kinh tế-xã hội vùng					253.875	65.000	0	0	228.488	35.000	0	0	30.000			65.000		
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020																0		
	Dự án hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020																0		
1	Dự án cải tạo, nâng cấp Văn Xã đi Lộ Hồ huyện Kim Bảng	Huyện Kim Bảng	Cấp IV đồng bằng	2016-2020	1630/QĐ-UBND ngày 18/10/2016	80.106	25.000			72.095	20.000			5.000			25.000		
2	Neo vét, KCH kênh tiêu KIN2A, KT10, KB8, KB4, Trạm bơm Nhâm Trảng, Cổ Đam	H.Thanh Liêm -H. Bình Lục		2016-2020	1307/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	173.769	40.000			156.392	15.000			25.000			40.000		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực (tuyệt kế)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 vốn NSTW				Bố trí vốn NSTW dự phòng 10%			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW sau khi bổ sung			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					Thu hồi ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Hoàn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Hoàn ứng	Thanh toán nợ XDCB
II	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững					85.518	57.000	0	0	76.966	36.052	0	0	20.000	0	0	56.052	0	0
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020																0		
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020																0		
I	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Phú Phúc	Huyện Lý Nhân		2016-2020	1225/QĐ-UBND ngày 21/10/2015	85.518	57.000			76.966	36.052			20.000			56.052		
III	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phòng chống thiên tai, ổn định dân cư					284.696	256.140	113.280	113.280	10.000	10.000	5.000	5.000	5.000	0	0	15.000	5.000	5.000
	Dự án giảm hoàn tiền để thi công đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý																		
I	Xử lý sạt lở đê, tu bổ nâng cấp tuyến đê Tả Đáy (từ km 88 đến km 137,2 (Giai đoạn I từ Km 88- Km 108)	H. Thanh Liêm - H. Kim Bảng	20 Km	2009-2011	1827/QĐ-UBND ngày 30/12/2009	284.696	256.140	113.280	113.280	10.000	10.000	5.000	5.000	5.000			15.000	5.000	5.000
IV	Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống y tế địa phương					185.795	90.000	0	0	167.216	50.000	0	0	10.000			60.000		
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020																0		
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020																0		
(I)	Bệnh viện y học cổ truyền (giai đoạn II)	Thị trấn Phủ Lý			1039/QĐ-UBND ngày 11/7/2017	62.457	20.000	0	0	56.211	10.000			10.000			20.000		
V	Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch					5.781.291	2.951.232	139.854	136.854	1.369.533	512.239	0	0	67.900			580.139		
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020																0		
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020																0		
(I)	Dự án ĐTXD công trình HTKT Khu du lịch Tam Chẽ, tỉnh Hà Nam	Huyện Kim Bảng	683 ha	Nhóm A	508/QĐ-UBND ngày 19/05/2015	5.592.921	2.846.232	139.854	136.854	1.200.000	440.000			35.139			475.139		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năm lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh		Lấy kế vốn đã bỏ trả đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 vốn NSTW				Bổ trợ vốn NSTW dự phòng 10%			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW sau khi bổ sung			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Hoàn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Hoàn ứng	Thanh toán nợ XDCB
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					Thu hồi ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB						
(2)	Hệ thống kỹ thuật khu du lịch chùa Bà Đanh huyện Kim Bảng	Huyện Kim Bảng		2016-2020	1624/QĐ-UBND ngày 18/10/2016	93.886	45.000	0	0	84.497	27.239			17.761			45.000		
(3)	Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp hạ tầng du lịch DTLSVH quốc gia đến Trầm Thượng, xã Nhân Đạo, huyện Lý Nhân	Huyện Lý Nhân		2016-2020	1306/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	94.484	60.000	0	0	85.036	45.000			15.000			60.000		
C	BỔ TRỢ CHO DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020 ĐÃ HOÀN THÀNH THỦ TỤC ĐẦU TƯ					194.489	161.540	0	0	0	0	0	0	25.000			25.000		
I	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu lĩnh vực nông nghiệp, phòng chống thiên tai, ổn định dân cư																0		
	Dự án khởi công mới																0		
I	Cải tạo, nâng cấp Đê bãi Chuyền Ngoại huyện Duy Tiên	Huyện Duy Tiên	Km/24+058 đến Km 129+300		1251/QĐ-UBND ngày 21/10/2015	194.489	161.540							25.000			25.000		

guy

DANH MỤC DỰ ÁN ĐĂNG KÝ TRÍ NGUỒN DỰ PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
VỐN NGUYÊN SẮC TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
 (Kèm theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Hà Nam)



Đơn vị: Triệu đồng

Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh đã được TTCP giao kế hoạch trung hạn							Lũy kế giải ngân vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW từ khởi công đến hết ngày 31/01/2016 (tính theo tiền Việt)	Kế hoạch trung hạn vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW đã giao	Bổ trí nguồn dự phòng 10%	Kế hoạch trung hạn vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW sau bổ sung	
				Số quyết định	TMĐT										
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:									
						Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo hiệp định)						
						Tổng số	Trong đó:		Tinh bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt					
NSTW	Các nguồn vốn khác	Tổng số	Trong đó: cấp phát từ NSTW												
TỔNG SỐ					2.024.376	446.908	139.680	167.549	0	1.577.468	1.577.468	562.180	798.619	142.122	940.741
Các dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020					2.024.376	446.908	139.680	167.549	0	1.577.468	1.577.468	562.180	798.619	142.122	940.741
1 Dự án phát triển đô thị Phủ Lý	TP. Phủ Lý	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng đô thị Phủ Lý	2012-2018	Số 1218/QĐ-UBND ngày 12/10/2011	1.506.539	279.359	139.680		59 triệu USD	1.227.200	1.227.200	562.180	638.590	58.360	696.950
2 Dự án XD các Trạm bơm đầu mỗi khu vực thành phố Phủ Lý	TP. Phủ Lý	Nâng cấp 3 trạm bơm đầu mỗi khu vực Phủ Lý	2017-2020	Số 1266/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	517.817	167.549	0	167.549	13,8 triệu EUR	350.268	350.268	0	160.029	83.762	243.791

guy


DANH MỤC DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ BỔ TRỢ NGUỒN DỰ PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020
WON TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được giao			Bổ trí nguồn dự phòng 10%	Kế hoạch trung hạn sau khi bố trí bổ sung nguồn dự phòng	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP		Thu hồi ứng trước NSTW			Thanh toán nợ XDCB
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến nối từ chùa Ba Sao đến chùa Bái Đính trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Huyện Kim Bảng, huyện Thanh Liêm	Tuyến chính L=21,82 Km, B nền=25m, B mặt=15m, Lề đường và dải cây xanh=5m	2017 - 2020	Số 1617/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	1.247.796	800.000	720.000			80.000	800.000	

guy

DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN CTMTQG DỰ PHÒNG TRUNG HẠN 2016-2020
(Kèm theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh Hà Nam)



Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Phạm vi thực hiện	Địa bàn thực hiện	Thời gian KC-HT	Bố trí vốn từ 10 % dự phòng vốn CTMTQG
	Tổng số				34.280
1	Hỗ trợ xây dựng trung tâm cung ứng nông sản tham gia thực hiện Đề án phát triển hệ thống cung ứng hàng nông sản Việt Nam hiện đại, giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030	Tỉnh	Tỉnh	2018-2020	5.000
2	Hỗ trợ 2 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới để chỉ đạo điểm xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu	Tỉnh	Xã	2018-2020	10.000
3	Hỗ trợ thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện Kim Bảng		Huyện	2018-2020	1.800
4	Hỗ trợ phát triển HTX theo Quyết định 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020				
	Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng cho các HTX	Tỉnh	HTX	2018-2020	17.480